



CÔNG BÁO

Tỉnh Quảng Trị

Số 71

Ngày 27 tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

26-5-2026	Quyết định số 1952/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.	03
26-5-2026	Quyết định số 1972/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	09
26-5-2026	Quyết định số 1973/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.	13
27-5-2026	Quyết định số 1975/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị.	20
27-5-2026	Quyết định số 1976/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trẻ em thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị.	30

27-5-2026	Kế hoạch số 2482/KH-UBND thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	33
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA LÒNG

26-5-2026	Kế hoạch số 143/KH-UBND triển khai thực hiện công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn xã Ba Lòng.	41
-----------	---	----

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1952/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 30/2016/TT-BNNPTNT ngày 25/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 588/TTr-SNNMT ngày 13/5/2026 và ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ tại Công văn số 2060/SNV-TCBC&TCPCP ngày 08/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị**
*(Kèm theo Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Trung tâm) có chức năng phục vụ quản lý Nhà nước về lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; thực hiện các chương trình, công trình, dự án cấp nước sạch và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ công ích về cấp nước sạch và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Nông nghiệp và Môi trường; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trung tâm hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Đề xuất với Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm, trung hạn và hằng năm về nước sạch và vệ sinh môi trường; phương thức, mô hình quản lý cấp nước sạch và thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch công tác

năm và trung hạn, kế hoạch đầu tư xây dựng và chiến lược phát triển Trung tâm; các chương trình, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường; các chương trình, dự án thành phần về nước sạch và vệ sinh môi trường thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia tại địa phương; kế hoạch, dự toán kinh phí ngân sách hằng năm thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm; kiểm định (theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước) về chất lượng nước sạch theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch nông thôn; quản lý, bảo vệ, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao. Tổ chức thực hiện, tham mưu quản lý vận hành, theo dõi, giám sát và triển khai dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn các xã, phường trên toàn tỉnh. Tổ chức thi công xây lắp, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình cấp nước sạch và công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư chương trình, dự án nước sạch và vệ sinh môi trường được cấp có thẩm quyền giao theo quy định pháp luật. Thực hiện nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo chương trình, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục, vận động, hướng dẫn Nhân dân bảo vệ công trình cấp nước và công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn tại địa phương theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu phù hợp với năng lực chuyên môn của Trung tâm; tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội thi, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật. Thực hiện hợp tác quốc tế, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.

8. Tư vấn, dịch vụ; liên doanh, liên kết cung ứng dịch vụ công; thực hiện hợp tác quốc tế, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ; nhập khẩu thiết bị, vật tư, sản phẩm, công nghệ về nước sạch và vệ sinh môi trường phù hợp với năng lực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

9. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật, điều tra thống kê, đánh giá về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

- Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Trung tâm quản lý, phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Trung tâm gồm:

- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật;
- Phòng Quản lý cấp nước;
- Phòng Quản lý vệ sinh môi trường;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Minh Hóa;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Tuyên Hóa;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Quảng Trạch;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Ba Đồn;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Bố Trạch;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Quảng Ninh;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Lệ Thủy;

- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Gio Linh;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Vĩnh Linh;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Cam Lộ.
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Đông Hà;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Triệu Phong;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Diên Sanh;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Khe Sanh;
- Trạm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Hướng Hiệp;

3. Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động của Trung tâm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm; quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc đơn vị; thực hiện việc bố trí, sử dụng viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, phẩm chất, trình độ năng lực và các nội dung khác có liên quan nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Giám đốc Trung tâm tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1972/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-BQP ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định 2418/QĐ-BQP ngày 13/5/2026 của Bộ Quốc phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện trên môi trường điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 634/TTr-SNNMT ngày 21/5/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND

tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ chuyên ngành theo quy định, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ chuyên ngành thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Hoàn thành *trước ngày 03/6/2026*.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục TTHC lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Phụ lục
DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên/ mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức độ trực tuyến	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương 1.013126.H50	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/cấp xã	Toàn trình	Không	Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Có
2	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m ³ đến dưới 50.000 m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT 1.013127.H50	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/cấp xã	Toàn trình	Không	Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Có

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên/mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức độ trực tuyến	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m ³) 1.013128.H50	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/cấp xã	Toàn trình	Không	Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Có

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1973/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 583/TTr-SNNMT ngày 12/5/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải

quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Hoàn thành *trước ngày 04/6/2026*.

b) Thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các TTHC được công bố tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Phụ lục I
DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000987.H50	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số 	Có

					<p>điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.</p>	
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000970.H50	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/cấp xã	Không quy định	<p>- Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015.</p> <p>- Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>- Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p>	Có

					<ul style="list-style-type: none"> - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. 	
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000943.H50	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ- 	Có

					<p>CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>- Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.</p>	
4	<p>Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối</p>	<p>13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/cấp xã</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Điều 48 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015.</p> <p>- Điều 34 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>- Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</p>	<p>Có</p>

	<p>với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh. 1.013861.H50</p>				<p>điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Điều 50 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. 	
--	--	--	--	--	---	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1975/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết
của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-BVHTTDL ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2281/TTr-SVHTTDL ngày 25/5/2026 và đề nghị của Chánh văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải

quyết TTHC tập trung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Hoàn thành *trước ngày 05/6/2026*.

b) Thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH,
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT UBND TỈNH (02 TTHC)						
I	LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH (01 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam/ 1.011452.H50	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15/6/2022; - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Có
II	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (01 TTHC)					
2	Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền	04 ngày làm việc kể	Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý,	Có

	<p>hình/ 1.004104.H50</p>	<p>từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>chính công tỉnh/cấp xã</p>	<p>quy định</p>	<p>cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 	
--	-------------------------------	---	-----------------------------------	-----------------	---	--

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (05 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
A	TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH (03 TTHC)					
I	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH (02 TTHC)					
1	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm/ 2.001594.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không có	Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Có
2	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm/ 2.001584.H50	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không có	Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	

II	LĨNH VỰC BÁO CHÍ (01 TTHC)					
1	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin/ 1.009386.H50	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Có
B	TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (02 TTHC)					
I	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MUA BÁN QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA (01 TTHC)					
1	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu/ 1.003560.H50	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 140.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+)	Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Có

				<p>mức phí tăng thêm là 100.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 140.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 1.400.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài</p>		
--	--	--	--	---	--	--

				<p>hát, bản nhạc: 1.400.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 34.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 4.670.000 đồng/chương trình.</p> <p>- Đối với bản ghi hình:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 1.670.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 1.670.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 6.000.000</p>		
--	--	--	--	--	--	--

				<p>đồng/chương trình.</p> <p>2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.</p>		
II LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM (01 TTTC)						
1	<p>Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh/ 2.001496.H50</p>	<p>07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã</p>	<p>1. Đối với tác phẩm mỹ thuật: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. - Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Đối với tác</p>	<p>Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>Có</p>

				<p>phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thăm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thăm định.</p> <p>- Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thăm định.</p> <p>- Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thăm định.</p>	
--	--	--	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1976/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực
Trẻ em thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-BYT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Trẻ em quy định tại Nghị định số 131/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2831/TTr-SYT ngày 18/5/2026 và đề nghị của Chánh văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trẻ em thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế:

a) Tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Hoàn thành *trước ngày 04/6/2026*.

b) Thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC TRẺ EM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại/	<ul style="list-style-type: none"> - Tạm ứng kinh phí: 07 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ Bảo trợ trẻ em nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thanh toán kinh phí: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi người chưa thành niên là bị hại hết tình trạng cấp cứu. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tư pháp người chưa thành niên; - Nghị định số 131/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ quy định chi tiết việc sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại. 	Có

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2482/KH-UBND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (gọi tắt là *Quyết định số 326/QĐ-TTg*); Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” (gọi tắt là *Quyết định 328/QĐ-TTg*), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 326/QĐ-TTg và Quyết định 328/QĐ-TTg đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí và đời sống của người dân nông thôn.

Làm cơ sở để các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải được thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất; cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ưu tiên bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của trung ương, địa phương, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai Chương trình theo phân cấp ngân sách, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm không dàn trải và đúng quy định của pháp luật.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan; kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhằm đạt mục tiêu, yêu cầu của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, rút ngắn khoảng cách về tỷ lệ lao động qua đào tạo giữa khu vực nông thôn và thành thị. Tập trung đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; đào tạo để chuyển đổi một bộ phận lao động nông thôn sang làm công nghiệp, dịch vụ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và hội nhập quốc tế. Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn gắn xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; đào tạo thực chất, đi theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập cho người dân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- Bình quân hằng năm đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho khoảng 3.000 lao động nông thôn, trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp chiếm khoảng 60%, đào tạo nghề nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn chiếm khoảng 40%; số lao động nông thôn là nữ được đào tạo nghề chiếm khoảng 45%, người khuyết tật có nhu cầu được hỗ trợ học nghề, tạo việc làm chiếm khoảng 4%, người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù của vùng dân tộc thiểu số chiếm khoảng 70%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 85%.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Kế hoạch thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã xây dựng nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới hiện đại.

2. Đối tượng

Người lao động ở khu vực nông thôn là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc, đang sinh sống, làm việc tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh.

Nhà giáo, người dạy nghề cho lao động nông thôn, cán bộ quản lý trong các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (GDNN).

Cơ sở tham gia hoạt động GDNN, tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vai trò của đào tạo nghề đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới

Đa dạng hóa các hoạt động phổ biến, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

Xây dựng các chuyên mục, chương trình về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên các kênh phát thanh, truyền hình địa phương và phù hợp với ngôn ngữ, phong tục tập quán của các nhóm đối tượng, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức tư vấn hướng nghiệp, học nghề, khởi nghiệp cho lao động nông thôn và biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với những tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

2. Rà soát danh mục ngành nghề đào tạo, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn

Rà soát, cập nhật danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề khác trên địa bàn tỉnh.

Xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

3. Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nông thôn

Tổ chức đào tạo nghề theo yêu cầu của thị trường lao động; đào tạo nghề cho người lao động để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có thời hạn; đào tạo

chuyển đổi nghề; đào tạo cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, kỹ năng số cho người lao động để có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định; đào tạo phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển hợp tác xã, làng nghề; đào tạo nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại, góp phần hình thành lực lượng lao động nông nghiệp có tri thức, kỹ năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, trong đó ưu tiên hỗ trợ đào tạo cho người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người có đất bị thu hồi, ngư dân, người lao động ở xã đặc biệt khó khăn, lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các đối tượng lao động nông thôn khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn nhằm tạo cơ hội cho người lao động nâng cao trình độ kỹ năng phù hợp với điều kiện của người học, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai đào tạo nghề gắn với hoàn thiện kiến thức văn hóa trong các trường trung cấp, cao đẳng và tổ chức đào tạo trung học nghề cho thanh niên nông thôn.

4. Nâng cao chất lượng các điều kiện bảo đảm hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở GDNN (gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới, hải đảo.

Rà soát, cập nhật, phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo theo yêu cầu của thị trường lao động, ngành nghề mới đáp ứng với sự thay đổi và phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chú trọng những nghề phổ biến, nghề mới và những nghề xã hội, doanh nghiệp có nhu cầu cao, nghề đặc thù phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và giám đốc hợp tác xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong đào tạo nghề; phát triển học liệu số, bài giảng điện tử và các nền tảng học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ người lao động tiếp cận các chương trình đào tạo linh hoạt.

5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đồng thời phổ biến những kinh nghiệm, mô hình, cách làm hay trong việc tổ chức đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 (nếu có), chương trình, kế hoạch, dự án khác; kinh phí từ nguồn huy động khác cho các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan và các địa phương hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Chủ động xây dựng kế hoạch tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với năng lực đào tạo của đơn vị và nhu cầu học nghề của người lao động tại địa phương; tổ chức các lớp đào tạo nghề bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Tăng cường liên kết, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh trong tổ chức đào tạo nghề gắn với thực hành, thực tập và giải quyết việc làm cho người học sau đào tạo. Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo; bố trí đội ngũ nhà giáo, người dạy nghề bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát danh mục ngành nghề đào tạo, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu thị trường lao động.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo gửi UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo phát triển ngành nghề nông

thôn cho lao động nông thôn, hỗ trợ xây dựng các chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo cho lao động nông nghiệp nông thôn.

Tổng hợp kế hoạch, nhu cầu đào tạo, nhu cầu kinh phí hằng năm và từng giai đoạn về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện về nội dung đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo phát triển ngành nghề nông thôn; kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo tuyên truyền, vận động người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề, nâng cao kỹ năng nghề, góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế và nâng cao thu nhập; phối hợp theo dõi, giám sát việc triển khai các chính sách đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện theo quy định.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương .

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn đúng quy định của pháp luật.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tuyên truyền về vai trò, vị trí quan trọng, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

6. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo nghề cho lao

động nông thôn; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tham gia đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động của ngành, lĩnh vực.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, lao động nông thôn tích cực tham gia học nghề, nâng cao kỹ năng nghề, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Phối hợp triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, giới thiệu việc làm cho đoàn viên, hội viên, lao động nông thôn sau đào tạo nghề; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng các mô hình điển hình, tập thể, cá nhân có cách làm hay, hiệu quả trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn và tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

8. Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp xã triển khai thực hiện cho vay đối với lao động nông thôn có nhu cầu học nghề từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành; thực hiện cho vay ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp từ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và các chương trình tín dụng chính sách khác; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

9. UBND cấp xã, phường, đặc khu

Căn cứ nội dung Kế hoạch của tỉnh, xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa phương hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030.

Lồng ghép, huy động các nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án có liên quan để triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; đề xuất danh mục ngành, nghề đào tạo phù hợp.

Phối hợp với các cơ sở hoạt động GDNN tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu việc làm và phát triển sản xuất tại địa phương.

Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức đào tạo nghề trên địa bàn quản lý.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Yêu cầu các sở, ngành, tổ chức đoàn thể, địa phương, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện **trước ngày 10/6/2026**; báo cáo kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 01 tháng 12 hằng năm** để tổng hợp. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA LÒNG**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA LÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143/KH-UBND

Ba Lòng, ngày 26 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH**Triển khai thực hiện công tác bảo vệ quyền lợi
người tiêu dùng trên địa bàn xã Ba Lòng**

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-TU ngày 09/12/2025 của Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 của Ban Bí thư;

Căn cứ Kế hoạch số 2349/KH-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về triển khai thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 10/KH-TU ngày 09/12/2025 của Tỉnh ủy về công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

UBND xã Ba Lòng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn xã.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò, trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các cơ sở sản xuất kinh doanh và Nhân dân trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

Gắn công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số tại địa phương.

Tăng cường phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng chức năng trong kiểm tra, giám sát, tuyên truyền và xử lý vi phạm.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản liên quan thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, hội nghị, sinh hoạt thôn, bản và các nền tảng số.

Tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân nhận biết hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, nâng cao kỹ năng tiêu dùng an toàn trên môi trường mạng.

Lồng ghép nội dung bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các chương trình tuyên truyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra việc chấp hành quy định về an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hóa, niêm yết giá, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

Rà soát, quản lý hoạt động kinh doanh tại chợ, các điểm buôn bán, cửa hàng tạp hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn xã.

3. Tiếp nhận và xử lý phản ánh của người tiêu dùng

Giao bộ phận chuyên môn thuộc Phòng Kinh tế xã làm đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng.

Hướng dẫn người dân thực hiện quyền phản ánh, khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Kịp thời phối hợp xử lý các vụ việc phát sinh, hạn chế tranh chấp kéo dài.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, tiếp nhận phản ánh và quản lý hoạt động thương mại trên địa bàn.

Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, minh bạch thông tin hàng hóa.

Tuyên truyền người dân sử dụng các ứng dụng số để tra cứu thông tin sản phẩm, hàng hóa và phản ánh vi phạm.

5. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức đoàn thể tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Phát động phong trào tiêu dùng an toàn, nói không với hàng giả, hàng kém chất lượng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

Là cơ quan tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì phối hợp với các ban, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và tham mưu báo cáo theo quy định.

Theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Công an xã

Phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng cấm, hàng kém chất lượng.

Tăng cường công tác nắm tình hình, phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên địa bàn.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

Phối hợp đăng tải nội dung tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử xã; tham mưu công tác tổng hợp, báo cáo.

Phối hợp đảm bảo điều kiện phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

4. Trung tâm phục vụ hành chính công xã

Phối hợp hướng dẫn người dân phản ánh, kiến nghị liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng.

Hỗ trợ tiếp nhận thông tin phản ánh qua bộ phận một cửa khi cần thiết.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Phối hợp với Phòng Kinh tế xã và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông qua các hoạt động dịch vụ, truyền thông và hỗ trợ người dân trên địa bàn xã.

Hỗ trợ hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin, phản ánh các hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng đến cơ quan có thẩm quyền.

Phối hợp triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam và các chương trình tuyên truyền tiêu dùng an toàn, tiêu dùng bền vững tại địa phương.”

6. Đề nghị Ủy ban MT và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tiêu dùng an toàn, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Phối hợp giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

7. Các thôn trên địa bàn xã

Phối hợp tuyên truyền đến Nhân dân, kịp thời phản ánh các trường hợp vi phạm về UBND xã để xử lý theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

Các ban, ngành, đơn vị liên quan định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua Phòng Kinh tế xã) trước ngày 10/12 hằng năm để tổng hợp báo cáo cấp trên theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn xã Ba Lòng. Yêu cầu các ban, ngành, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Hiếu

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG TRỊ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Hùng Vương - Đồng Hới - Quảng Trị;

Điện thoại: 0233. 6296565;

Fax: 0232.3821729;

Email: congbao@quangtri.gov.vn;

Website: <https://congbao.quangtri.gov.vn>;